



guò mù bù wàng

过目不忘

idiom (verb phrase) · to have a photographic memory

Example Sentences

Tā jì yì lì hěn hǎo jī hū guò mù bù wàng

他记忆力很好，几乎过目不忘。

He has a good memory, almost photographic.

Zhè ge hái zǐ dú shū guò mù bù wàng lǎo shī dōu hěn jīng yà

这个孩子读书过目不忘，老师都很惊讶。

This child reads with a photographic memory, and the teachers are all amazed.

Trace each character, then write the word on your own.

过	过	过	过	过	过	过	过	过		
目	目	目	目	目	目	目	目			
不	不	不	不	不	不	不				
忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘	忘	